| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **263**/2026/HS-ST
Ngày : 28/5/2026

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Hiếu Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Phi Yến

2. Ông Lê Thanh Hải

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hiên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa****:* Ông Hoàng Văn Hoan - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 247/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 378/2026/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

**Nhâm Đ,** sinh ngày 13 tháng 9 năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước công dân số: 079090004189; Nơi đăng ký thường trú: 3 L, khu phố B, phường V (Phường A, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nhâm H và bà: Lê Thị Kiều O; Vợ, con: Không có; Tiền sự: Không; Tiền án:

- Ngày 20/7/2010 Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 09 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" tại Bản án số 88/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/7/2013, chưa thi hành án phí dân sự và tiền phạt 10.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Ngày 18/9/2017 Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 112/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/01/2019, chưa thi hành án phí dân sự.

- Ngày 12/02/2020 Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 05/2020/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/3/2023, chưa thi hành án phí dân sự.

Nhân thân: Ngày 22/9/2006 Tòa án nhân dân Quận , Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội "Cướp giật tài sản" tại Bản án số 282/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/7/2008, đã thi hành án phí dân sự.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam: từ ngày 08/7/2024. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Chị Nguyễn Thị Nga T, sinh năm 1993; Nơi cư trú: D H, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Anh Trần Văn Y, sinh năm 2003; Địa chỉ: C ấp D, xã B, huyện B (nay là xã B), Tp .. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Kiên C, sinh năm 1982; Địa chỉ: B chung cư L, phường A, quận B (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

4. Ông Trần Phát Đ, sinh năm 1996; Địa chỉ: 9 D, Phường B, Quận H (nay là phường R), Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Huỳnh Hữu N, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh). Có mặt.

2. Ông Mai Văn V, sinh năm 1972; Địa chỉ: F H, Phường D, Quận E (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3.Ông Lưu An B, sinh năm 2000; Địa chỉ: 2 đường C, Phường A, Quận A (nay là phường V), Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên Nhâm Đại G đã thực hiện việc trộm cắp các xe gắn máy không có người trông coi. Quá trình điều tra, xác định được G đã thực hiện các vụ trộm cắp như sau:

1. Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ 15 ngày 13/6/2024, Nhâm Đ đi bộ đến bên hông nhà số B N, Phường H, Quận A thì phát hiện có 01 xe gắn máy hiệu Honda Airblade màu đen – cam, biển số: 59L1- 772.95 của anh Nguyễn Kiên C, đang dựng sát bên hông nhà, trên xe có cắm sẵn chìa khóa trên ổ khóa xe, không có người trông coi. G đi đến cuối hẻm rồi vòng ngược lại. G quan sát không có ai nên đi đến ngồi lên yên xe, dùng tay phải mở khóa xe và nổ máy tăng ga chạy ra đường N tẩu thoát. Sau đó, G điều khiển xe máy đã chiếm đoạt được của anh C đến khu vực bán đồ cũ trên đường N, Quận A, gặp 01 người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) đứng ở lề đường, trao đổi bán chiếc xe vừa trộm được 3.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Tại Cơ quan điều tra, anh Nguyễn Kiên C khai: Khoảng 08 giờ 10 ngày 13/6/2024, anh C điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Airblade màu đen – cam, biển

số: 59L1- 772.95 đến nơi làm việc tại số B N, Phường H, Quận A và để xe bên hông nhà, chìa khóa xe vẫn cắm trên ổ khóa, đi lên lầu 1 lấy đồ xong quay xuống phát hiện bị mất xe. Do bận công việc nên ngày 08/7/2024 anh C mới đến Cơ quan Công an trình báo sự việc.

2. Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ 00 ngày 23/6/2024, Nhâm Đ đi bộ đến trước nhà số B B H, Phường I, Quận A thì nhìn thấy có 01 xe gắn máy hiệu Honda Super, biển số: 49E1-445.01 của chị Nguyễn Thị N1 Thùy dựng trước nhà, chìa khóa xe cắm trên ổ khóa xe. G nhanh chóng ngồi lên xe và nổ máy tăng ga tẩu thoát theo hướng đường Bà H – Ngô Gia T1. Sau đó, G điều khiển xe đến trước số -E H, Phường A, Quận A, thấy trên đường có 01 chỗ buôn bán lạc xoong của ông Mai Văn V. G dừng xe lại nói hỏi ông V có mua chiếc xe này không. G nói xe của G sử dụng đã cũ và đã làm thất lạc giấy tờ xe. Ông V thấy xe cũ quá nên đồng ý mua với giá 1.800.000 đồng, G đồng ý bán.

3. Vụ thứ ba: Khoảng 15 giờ 20 ngày 24/6/2024, anh Trần Phát Đ - sinh năm: 1996, HKTT: 9 D, Phường B, Quận H điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Airblade, biển số 59L3-440.16 đến nhà số B đường C, Phường A, Quận A để gặp bạn là anh Lưu An B. Sau đó, anh B mượn chiếc xe trên của anh Đ đi công việc. Khoảng 17 giờ 15 phút cùng ngày, anh B chạy xe về dựng trước nhà, chìa khóa xe treo trên xe rồi đi vào nhà. Lúc này, Nhâm Đ đi bộ nhìn thấy xe chiếc xe trên đang dựng trước nhà, có treo chìa khóa trên xe, không có ai trông coi. G rẽ phải vào hẻm nhỏ sau đó lại tiếp tục đi ngược từ hẻm quay lại để quan sát. G thấy không có ai trông coi xe nên đi đến phía bên trái chiếc xe, dùng tay phải mở khóa xe rồi ngồi lên xe nổ máy tẩu thoát. Sau đó, G dừng lại bên đường mượn điện thoại di động của một người chạy xe ôm gọi cho bạn là Trần Phát Đ - sinh năm 1990, HKTT: 257/1/18 đường C, Phường A, Quận A, (nay là phường V), Thành phố Hồ Chí Minh, qua số điện thoại 0902162260 nói muốn bán 01 chiếc xe máy mới lấy trộm được. Đ đồng ý mua và hẹn gặp nhau ở khu vực đường A, Phường A, Quận F, (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh. Cả hai thỏa thuận giá mua bán xe là 3.000.000 đồng. Đ nhận xe và giao tiền, sau đó cả hai bỏ đi.

Quá trình điều tra, Nhâm Đại G đã thừa nhận hành vi lấy trộm 03 chiếc xe gắn máy như trên, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Anh Lưu An B trình bày: Sau khi phát hiện bị mất xe gắn máy hiệu Honda Airblade, biển số 59L3-440.16 của bạn anh là Trần Phát Đ, khoảng 23 giờ ngày 24/6/2024, anh Lữ Thanh H1 (người sống cùng khu phố, anh B không quen biết) đi đến trước nhà gặp anh B cho biết chiếc xe bị mất trộm đang ở lò độ xe nếu muốn chuộc xe thì chuyển tiền H1 sẽ đi lấy hộ cho. Lúc đó anh B yêu cầu đi cùng nhưng H1 không đồng ý. Sau đó có nghe người khác gọi cho H1 nói nếu không lấy trong đêm thì sẽ bán và ngày mai sẽ không biết xe ở đâu đồng thời thấy H1 để lại chiếc xe gắn máy biển số: 59H1-463.94 để làm tin nên anh B đã chuyển số tiền 10.500.000 đồng vào tài khoản số: 07724793979 tên Lu Thanh H2. Khi anh B chuyển tiền thì H1 để lại xe rồi bỏ đi. Đến khoảng 00 giờ 20 phút ngày 25/6/2024 thì H1 điều khiển

xe gắn máy Honda Airblade biển số: 59L3-440.16 đến đưa cho anh B và chạy xe đi.

Anh Lữ Thanh H1 trình bày: Ngày 24/6/2024, khi đi làm về được người trong khu phố cho xem đoạn Clip hình ảnh xe mô tô biển số: 59L3-440.16 bị mất trộm thì H1 nghi ngờ là do Nhâm Đại G chiếm đoạt. H1 trước đây làm tại khu vực chợ T3 nên H1 đi đến khu vực chợ T3, Quận E hỏi thử G có bán xe ở đây không, lúc đó gặp một người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ), người này nói vừa có người chào bán xe này. Người đàn ông đó liên lạc với người mua xe được biết xe đang ở bãi xe tại huyện B muốn chuộc xe thì đưa 10.000.000 đồng. Sau đó, H1 về nói lại với B và B đồng ý chuyển vào tài khoản của em trai H1, tên Lữ Thanh H3 số tài khoản 07724793979 số tiền 10.500.000 đồng (500.000 đồng B cho H1). Sau khi có tiền H1 đi đến gặp người đàn ông thì được người này hướng dẫn đi đến bãi xe Container trên đường T, huyện B gặp một người thanh niên (không rõ lai lịch, địa chỉ) đưa tiền rồi lấy xe gắn máy về giao lại cho anh B.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh Trần Phát Đ, hiện không thực tế cư trú tại địa phương. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm người đối với Trần Phát Đ nhưng đến nay chưa có kết quả. Khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 1379/KL-HĐĐGTS ngày 10/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên tài sản trong tố tụng Ủy ban nhân dân Quận A kết luận: xe gắn máy hiệu Honda Airblade màu đen – cam, biển số: 59L1- 772.95 vào thời điểm ngày 13/6/2024 trị giá 13.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 1622/KL-HĐĐGTS ngày 14/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên tài sản trong tố tụng Ủy ban nhân dân Quận A kết luận: xe gắn máy Honda Super, biển số: 49E1-445.01, vào thời điểm ngày 23/6/2024 trị giá 7.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 1381/KL-HĐĐGTS ngày 10/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên tài sản trong tố tụng Ủy ban nhân dân Quận A kết luận: xe gắn máy hiệu Honda AirBlade biển số 59L3-440.16, vào thời điểm ngày 24/6/2024 trị giá 32.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 18/02/2025, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 08/7/2024 (căn cứ điểm b, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự).

Ngày 17/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-VKS, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 18/02/2025 Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra lại theo thủ tục chung do cấp sơ thẩm áp dụng thiếu tình tiết định khung hình phạt và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; có mâu thuẫn trong lời khai của đối tượng Mai Văn V về nguồn gốc chiếc xe gắn máy hiệu Honda Super biển số 49E1-445.01 mà G lấy trộm của chị Nguyễn Thị N1 Thùy bán cho V nhưng chưa được điều tra làm rõ.

Ngày 15/5/2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử và ban hành

Bản án hình sự phúc thẩm số 177/2025/PT-HS, chấp nhận Quyết định kháng nghị số 06/QĐ-VKS ngày 17/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2025/HS-ST ngày 18/02/2025 Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại.

Quá trình điều tra lại, Cơ quan điều tra Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định nhập vụ án hình sự (Quyết định số C6423/QĐ-CSHS ngày 27/3/2026), nhập vụ án làm rõ thêm được hành vi trộm cắp tài sản của G ngày 25/6/2024 tại ấp D, xã B, huyện B, cụ thể như sau:

Khoảng 23 giờ 40 phút ngày 25/6/2024, Nhâm Đ đi bộ đến trước địa chỉ C, ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện cửa nhà không khóa, trong sân nhà có 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave, biển số 29D1-644.03 của anh Trần Văn Y không người trông coi, chìa khóa xe cắm sẵn trên ổ khóa. Thấy vậy, G đi vào sân đến chỗ chiếc xe, dùng tay đẩy lùi chiếc xe ra trước cửa nhà mở máy điều khiển xe tẩu thoát. Đến khoảng 23 giờ 00 ngày 26/6/2024, G điều khiển chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 29D1-644.03 đến quán nước vỉa hè trước cổng 1B- Bệnh Viện C1, số B N, P. C, Thành phố Hồ Chí Minh của Huỳnh Hữu N ngồi uống nước. G hỏi vay tiền anh N nhưng anh N không đồng ý. G năn nỉ nói với anh Nghĩa L cần tiền do gia đình có việc gấp, đề nghị anh N cho G vay 3.000.000 đồng và sẽ thế chấp chiếc xe mô tô biển số 29D1-644.03 lại cho N qua ngày hôm sau có tiền sẽ đến trả tiền để lấy lại xe. Nghe vậy, N đồng ý đưa cho G vay 3.000.000 đồng tiền mặt và G để lại xe chỗ quán nước vỉa hè của N rồi cầm tiền rồi bỏ đi và đã tiêu xài cá nhân hết. G nói với N xe của G nhưng để giấy tờ quên ở nhà.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 3219/KL-HĐĐGTS ngày 08/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên tài sản trong tố tụng Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 29D1-644.03, vào thời điểm ngày 25/6/2024 trị giá 4.400.000 đồng.

Ông Huỳnh Hữu N khai: Khoảng 23 giờ 00 ngày 26/6/2024, Nhâm Đ đến quán mua nước ngồi uống. Sau đó G hỏi mượn tiền nhưng ông N không đồng ý. G năn nỉ nói đang cần tiền lo việc gia đình gấp, đề nghị ông N cho mượn 3.000.000 đồng, G sẽ để lại chiếc xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 29D1- 664.03 để làm tin, ngày mai G sẽ đến trả tiền vay để lấy xe về. G nói với ông N đó là xe của G nhưng giấy tờ thì G để ở nhà không mang theo. Ông N thấy vậy tin tưởng đưa cho G mượn 3.000.000 đồng. Sau đó, ông N không thấy G quay lại lấy xe như đã hẹn. Ngày 28/0/2024, ông N đang cần tiền đã mang chiếc xe này cầm cho một người tên T2 (không rõ lai lịch) tại khu vực Vòng X P, Quận F được 3.000.000 đồng. Ông N không biết chiếc xe trên do G phạm tội mà có.

Kết quả điều tra lại, ông Mai Văn V trình bày: Khoảng 13 giờ ngày 23/6/2024, Nhâm Đ chạy xe gắn máy hiệu Honda Super biển số 49E1-445.01 đến trước tiệm mua đồ lạc xoong của ông và đề nghị bán chiếc xe này với giá 2.000.000 đồng. G không nói xe của ai và từ đâu mà có. Ông V thấy xe cũ quá nên trả giá 1.800.000 đồng, G đồng ý. Sau khi lấy tiền thì G giao xe cho V, không có giấy tờ xe rồi bỏ đi.

Sau đó, ông V đã tháo rời từng bộ phận chiếc xe và bán cho người mua ve chai, khách vãng lai được 2.250.000 đồng, riêng phần áo của chiếc xe đã cũ nên ông V đã vứt bỏ, còn lại 01 cổ xe bằng kim loại có kèm 02 tay cầm; 01 chân chống và 01 biển số xe: 49E1-445.01 là chưa bán được nên ông V đã giao nộp cho Công an P, Quận A. Ông V không biết chiếc xe máy do G phạm tội mà có, phù hợp với lời khai của G.

Đối với Mai Văn V và Huỳnh Hữu N không biết xe gắn máy hiệu Honda Super biển số: 49E1-445.01 và xe gắn máy hiệu Honda Wave, biển số 29D1-644.03 là do G phạm tội mà có nên hành vi không cấu thành tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không xử lý là có căn cứ.

Đối với Trần Phát Đ ngoài lời khai của bị can G về việc Đ là người tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có thì không còn chứng cứ nào khác chứng minh nên chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã ra Quyết định truy tìm người đối với Đ nhưng chưa có kết quả, khi nào làm rõ được sẽ xử sau.

Đối với người đàn ông đã mua lại xe gắn máy hiệu Honda AirBlade màu đen – cam, biển số: 59L1-772.95 hiện chưa rõ lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Phát Đ đã nhận lại tài sản và không yêu cầu G bồi thường gì thêm; bị hại anh Nguyễn Kiên C yêu cầu G bồi thường số tiền 13.500.000 đồng; bị hại chị Nguyễn Thị N1 Thùy yêu cầu G bồi thường số tiền 7.500.000 đồng; bị hại ông Trần Văn Y yêu cầu G bồi thường theo quy định pháp luật.

Vật chứng vụ án:

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda AirBlade; biển số: 59L3-440.16 là tài sản bị chiếm đoạt, đã thu hồi trả lai cho bị hại anh Trần Phát Đ.

- 01 cổ xe bằng kim loại; 01 chân chống xe bằng kim loại và 01 biển số xe mô tô có số: 49E1-445.01 thu giữ của Mai Văn V. Đây là các bộ phận đã tháo rời còn lại từ chiếc xe mô tô hiệu Honda Super biển số: 49E1- 445.01; số khung: 270XDY172806; số máy: JA27E0050669 của chị Nguyễn Thị Nga T bị Nhâm Đại G trộm cắp.

Tại bản cáo trạng số 332/CT-VKSKV4 ngày 06 tháng 5 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nhâm Đại G về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, nêu lên tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên"; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"; đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo: Không có ý kiến tranh luận.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu với vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo Nhâm Đại G đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe gắn máy hiệu Honda Airblade màu đen – cam, biển số 59L1- 772.95 trị giá 13.500.000 đồng của bị hại anh Nguyễn Kiên C vào ngày 13/6/2024; 01 xe gắn máy Honda Super, biển số 49E1-445.01 trị giá 7.500.000 đồng của chị Nguyễn Thị N1 Thùy vào ngày 23/6/2024; 01 xe gắn máy hiệu Honda AirBlade biển số 59L3-440.16, trị giá 32.000.000 đồng của anh Trần Phát Đ vào ngày 24/6/2024 và 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số 29D1-644.03 trị giá 4.400.000 đồng của anh Trần Văn Y vào ngày 25/6/2024; tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 57.400.000 đồng; bị cáo đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý; bị cáo sống lang thang không có nghề nghiệp, đã có 03 lần bị kết án về tội trộm

cắp tài sản và cướp giật tài sản, chưa được xóa án tích, bị cáo lại tiếp tục thực hiện 04 lần phạm tội, lấy tiền bán xe trộm cắp được làm nguồn sống chính; hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", thuộc trường hợp "Có tính chất chuyên nghiệp", "Chiếm đoạt tài sản trị giá 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng" và "Tái phạm nguy hiểm", là các tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Xét bị cáo là người có năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được việc làm của mình nhưng vì tham lam muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Mặt khác bị cáo có quá trình nhân thân xấu, vừa chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Do đó, bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mình gây ra, cụ thể cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng: Trong vụ án này, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội 04 lần với mỗi lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên", là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử quyết định phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Trần Phát Đ đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Bị hại chị Nguyễn Thị N1 Thùy yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.500.000 đồng; bị hại anh Nguyễn Kiên C bồi thường số tiền 13.500.000 đồng; bị hại anh Trần Văn Y yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.400.000 đồng là trị giá tài sản không thu hồi

được. Bị cáo đồng ý. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo, buộc bị cáo bồi thường cho chị T số tiền 7.500.000 đồng, bồi thường cho anh C số tiền 13.500.000 đồng và bồi thường cho anh Y số tiền 4.400.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lưu An B đã bỏ số tiền 10.000.000 đồng để chuộc lại chiếc xe gắn máy hiệu Honda AirBlade biển số 59L3-440.16 từ một người không rõ lai lịch về trả lại cho bị hại anh Trần Phát Đ. Do đó, anh đề nghị bị cáo trả lại cho anh số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo, buộc bị cáo trả lại cho anh B số tiền 10.000.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 cổ xe bằng kim loại; 01 chân chống xe bằng kim loại và 01 biển số xe mô tô có số: 49E1-445.01 thu giữ của ông Mai Văn V, xét thấy đây là những vật không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Căn cứ điểm b, c, g khoản 2, khoản 5 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo: Nhâm Đại G 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 7 năm 2024.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

**2.** Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo bồi thường cho chị Nguyễn Thị N1 Thùy số tiền 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo bồi thường cho anh Nguyễn Kiên C số tiền 13.500.000 (mười ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo bồi thường cho anh Trần Văn Y số tiền 4.400.000 (bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo trả lại cho anh Lưu An B số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Nga T, anh Nguyễn Kiên C, anh Trần Văn Y và anh Lưu An B có đơn xin thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản như đã nêu trên, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

**3.** Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu và tiêu hủy: 01 cổ xe bằng kim loại; 01 chân chống xe bằng kim loại và 01 biển số xe mô tô có số: 49E1-445.01.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/01/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh))

**4**. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.770.000 (một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**5.** Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận***:
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QL,NV liên quan;
- TTG Chí Hòa-PTTG Bình Thới;
- Cơ quan CSĐTCATP.HCM (PC02);
- VKSND KV4-TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV4-TP. Hồ Chí Minh;
- TAND, VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNV CA TP. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Hiếu Hạnh**